TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ C** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 86/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10-11-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị T;

Bà Nguyễn Kim Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị T - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 664/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2023 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25/10/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê T, sinh năm: 1975; đăng ký thường trú: Tổ 2, khu phố 7, phường H, thị xã C, tỉnh Bình Dương – vắng mặt, có đơn đề nghị vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn L, sinh năm: 1973; đăng ký thường trú: Tổ 2, khu phố 7, phường Chánh Phú Hòa, thị xã C, tỉnh Bình Dương – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 24/8/2023, bản tự khai và biên bản lấy lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Lê T trình bày:

Bà T và ông L chung sống từ năm 1994, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thị xã H, tỉnh Thanh Hóa (nay là phường V, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 04, quyển số 88, cấp ngày 28/01/1994, hôn nhân tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng không thể hòa hợp. Hiện tình cảm vợ

chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T làm đơn yêu cầu ly hôn với ông L.

Về con chung: Bà T và ông L có 02 con chung tên Nguyễn H, sinh ngày: 02/7/1995 và Nguyễn Lê Minh Đăng, sinh ngày: 16/5/2009. Tại Đơn khởi kiện ngày 24/8/2023 bà T yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Đ. Tại Đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 25/10/2023, bà T đồng ý giao cháu Nguyễn Đ cho ông Nguyễn L nuôi dưỡng, chăm sóc. Bà T không cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con chung Nguyễn H đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại Bản tự khai ngày 09/10/2023 và lời khai trong quá trình tố tụng tham gia tot, bị đơn ông Nguyễn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông L thống nhất với lời trình bày của bà T quan hệ hôn nhân.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do không tin tưởng nhau, ông L đã cố gắng hàn gắn tình cảm gia đình nhưng không có kết quả. Nay ông L chỉ đồng ý ly hôn với bà T nếu bà T giải quyết vấn đề liên quan đến tài sản chung của hai vợ chồng.

Về con chung: Ông L và bà T 02 con chung tên Nguyễn H, sinh ngày: 02/7/1995 và Nguyễn Lê Minh Đăng, sinh ngày: 16/5/2009. Cháu Nguyễn Đ có nguyện vọng sống cùng với ai đề nghị Tòa án giao cho người đó nuôi dưỡng, người còn lại không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con chung Nguyễn H đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông L đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật về tài sản chung theo nội dung ông L trình bày tại Bản tự khai đề ngày 09/10/2023.

- Về nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Tại phiên tòa: Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C có ý kiến:

- Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ là đúng theo quy định; nguyên đơn và những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn không thực hiện nghĩa vụ phải có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự:

Nguyên đơn bà Lê T và bị đơn ông Nguyễn L vắng mặt và có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông L tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thị xã H, tỉnh Thanh Hóa (nay là phường V, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 04, quyển số 88, cấp ngày 28/01/1994. Hôn nhân giữa bà T và ông L là hợp pháp theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Theo bà T và ông L trình bày, quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, hiện không ai quan tâm đến cuộc sống của người còn lại. Điều này cũng cho thấy mâu thuẫn vợ chồng của bà T, ông L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có cơ sở chấp nhận cho T được ly hôn với ông L.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, bà T và ông L có 02 con chung tên Nguyễn H, sinh ngày 02/7/1995 và Nguyễn Đ, sinh ngày 16/5/2009. Bà T đồng ý giao cháu Nguyễn Đ cho ông Nguyễn L nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông L không có ý kiến về con chung, chỉ đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của cháu Đăng về việc sống cùng với ai để giao cho người đó nuôi dưỡng, chăm sóc.

Xét thấy, cháu Nguyễn Đ đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng sống cùng cha. Căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của cháu Đăng thì thấy việc giao cháu Đăng cho ông L nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Đối với cháu Nguyễn H, sinh ngày 02/7/1995 đã trên 18 tuổi nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Bà Lê T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ông Nguyễn L và các thành viên trong gia đình không được cản trở bà T trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ này. Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ông L không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Tại Biên bản làm việc ngày 09/10/2023, Tòa án giải thích cho bà T, ông L về việc đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện, yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự, Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự. Theo đơn khởi kiện, bà T không tranh chấp về tài sản chung. Ông L trình bày sẽ có đơn phản tố nộp cho Tòa án trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản (09/10/2023). Tuy nhiên đã quá thời hạn quy định, ông L không có ý kiến hay yêu cầu gì nộp cho Tòa án. Do đó, Tòa án không xem xét giải quyết về tài sản chung của bà T, ông L trong vụ án này. Bà T, ông L có quyền khởi kiện tranh chấp chia tài sản chung của vợ chồng bằng vụ án khác.

[6] Về nợ chung: Các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Bà T yêu cầu ly hôn với ông L, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình không có giá ngạch. Theo khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà T phải chịu án phí là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê T đối với bị đơn ông Nguyễn L về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê T và ông Nguyễn L được ly hôn.

- Về con chung: Giao cho ông Nguyễn L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tên Nguyễn Đ, sinh ngày: 16/5/2009.

Đối với Nguyễn H, sinh ngày: 02/7/1995 đã trên 18 tuổi nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Bà Lê T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung. Ông Nguyễn L và các thành viên trong gia đình không được cản trở bà Lê T trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ này.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Lê T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm án phí số AA/2016/00121170 ngày 24/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Xuân